TUẦN 14

**MÔN TOÁN**

TÍNH GIÁ TRỊ BIỂU THỨC (TIẾP)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết tính GT của BT có dấu ( ) và ghi nhớ quy tắc tính giá trị của biểu thức dạng này.

- Vận dụng tính giá trị biểu thức vào giải toán và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** SGK, bảng phụ, phiếu học tập

**- Học sinh:** Một số tình huống đơn giản dẫn tới Tính giá trị biểu thức khi có dấu ngoặc

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu:**  **1. Khởi động:**  - Giáo viên tổ chức chơi trò chơi “ **Giải cứu Thỏ con”**   - Luật chơi: Học sinh thi làm một số biểu thức  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |
| **\* Giới thiệu bài mới** |  |
| **B. Luyện tập, thực hành:**  **Bài 2:** **Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:**  **-** Bài yêu cầu gì?  - HS làm VBT/Phiếu học tập  - Yêu cầu HS nêu nối tiếp kết quả.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá chột đáp án đúng.  **GV chốt kiến thức:** Cách tính giá trị biểu thức có chứa dấu ngoặc  **Bài 3: Y/C hs đọc đề bài.**   * Bài toán cho biết gì? * Bài toán hỏi gì? * Y/C hs suy nghĩ làm bài?   - YC HS kiểm tra chéo, báo cáo kết quả  - Mời các đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Giáo viên đánh giá, nhận xét, chốt đáp án đúng.  - GV chốt kiến thức:  + Vận dụng tính giá trị biểu thức vào giải toán. | - Hs nêu đáp án.  - Đ/a: B  - HS lắng nghe sửa bài nếu chưa đúng  + Biểu thức có dấu ngoặc: Tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.  + Trong biểu thức có dấu X, : thì tính từ trái sang phải.   * Hs tìm hiểu đề toán và làm bài. * Bài giải   a)Hai xe ô tô nhỏ chở được số học sinh là:  7 x 2  Vậy, biểu thức tính số học sinh đi xe ô tô to là: 54 – 7 x 2  b) Số học sinh đi xe ô tô to là:  54 – 7 x 2 = 40 ( em )  Đáp số: 40 em |
| **C. Hoạt động Vận dụng:**  **Trò chơi: Xì điện**  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.  + GV sẽ châm ngòi đầu tiên và đọc 1 phép tính rồi chỉ 1 HS bất kì trong 2 đội, HS đó phải trả lời ngay.  + Kết quả đúng thì HS đó sẽ “xì điện” 1 bạn của đội đối phương, và bạn đó phải trả lời nhanh và đúng. Sau đó “xì điện” lại đội bạn.  + Trường hợp kết quả sai thì sẽ mất quyền trả lời và “xì điện”  - GV nhận xét  - GV chốt kiến thức: cách tính giá trị biểu thức không có dấu ngoặc. | - HS tham gia chơi |
| **D. Củng cố- Dặn dò:**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - GV đánh giá tiết học, tuyên dương những bạn học tốt thường xuyên phát biểu ý kiến, động viên, khích lệ những học sinh có sự tiến bộ.  - Chuẩn bị bài: Luyện tập chung (Tiết 2) | - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Môn: Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp HS củng cố và rèn luyện kĩ năng tính giá trị của biểu thức ở cả ba dạng.

- Vận dụng được kiến thức đã học, kĩ năng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** Bảng phụ, Phiếu học tập

**- Học sinh:** SGK, một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong biểu thức

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu:**  **1. Khởi động:**  - Giáo viên tổ chức chơi trò chơi “Ai nhanh, Ai đúng” theo nhóm.   - Luật chơi: Nhóm 1: nhận thẻ ghi tên quy tắc tính giá trị biểu thức.  Nhóm 2: nhận bộ thẻ ghi lời phát biểu về các quy tắc tính giá trị biểu thức.   * Nhóm 1 đưa thẻ ghi tên nhóm 2 đưa thẻ ghi lời phát biểu quy tắc. * Nhóm nào trả lời nhanh và đúng là chiến thắng.   - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |
| **\* Giới thiệu bài** |  |
| **C. Hoạt động Luyện tập, thực hành:**  **Bài 1:** Tính giá trị của các biểu thức sau:  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu gì?  - HS làm VBT/Phiếu học tập  - Yêu cầu HS làm bảng lớp.  - Y/C hs đánh giá nhận xét.  - Giáo viên đưa ra đáp án đúng.  Gv chốt kiến thức: Muốn tính giá trị biểu thức có dấu (.. ) ta làm ntn?  Trong biểu thức chỉ có dấu +; - ta làm ntn?  Trong một biểu thức có dấu x ; : ta làm như thế nào?  Bài 2:a) Tính giá trị của biểu thức sau:  b) Nhận xét về giá trị của các biểu thức trong từng cột ở câu a.  c) Lấy ví dụ tương tự như các biểu thức ở câu a.  - Y/c học sinh đọc đề bài.  - Y/c hs làm từng phần vào vở.  - Y/c hs lên bảng làm bài.  - Y/C hs tự lấy ví dụ  - Y/c hs đưa ra nhận xét kết quả của các phép tính ở phần a.  - GV chốt kiến thức: Tính giá trị biểu thức.  Bài 3: Tính giá trị biểu thức sau:   * Y/c hs đọc yêu cầu bài? * Bài có mấy yêu cầu? * Y/c hs làm vào VBT/ vở ghi. * Y/C hs tự lấy ví dụ * Gv chốt kiến thức: Tính giá trị biểu thức | - Học sinh nối tiếp nêu kết quả.   |  |  | | --- | --- | | a) 948- 429 + 479 = 519 + 479  = 998  424 : 2 x 3 = 212 x 3  = 636  b)Đ/a: 144/ 10  c)Đ/a: 11/ 804 |  |   - HS lắng nghe sửa bài nếu chưa đúng.    - Hs đọc đề bài.  - Hs làm bài  - HS lắng nghe sửa bài nếu chưa đúng.  Đ/a: a) 870/ 870/ 478/478  -b)Trong các biểu thức chỉ chứa các dấu cộng thì giá trị của biểu thức là không thay đổi khi đổi vị trí các dấu ngoặc thay đổi.  - HS lắng nghe sửa bài nếu chưa đúng.  Đ/a: a) 48/48/80/80  b)Trong các biểu thức chỉ chứa các dấu nhân thì giá trị của biểu thức là không thay đổi khi đổi vị trí các dấu ngoặc thay đổi. |
| **D. Hoạt động Vận dụng:**  **Trò chơi: Xì điện**  - GV tổ chức như sau.  +GV sẽ chia thành hai đội chơi mỗi đội 5 bạn chơi trong thời gian 5 phút đội nào lập được nhiều biểu thức và có kết quả đúng thì đội đó giành chiến thắng( y/c mỗi bạn trong nhóm chỉ được lập 1 biểu thức,sau đó tiếp theo tới bạn khác cho tới khi hết thời gian)  - GV nhận xét | - HS tham gia chơi |
| **\* Củng cố- Dặn dò:**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - GV đánh giá tiết học, tuyên dương những bạn học tốt thường xuyên phát biểu ý kiến, động viên, khích lệ những học sinh có sự tiến bộ.  - Chuẩn bị bài: Luyện tập chung (Tiết 2) | - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**

MÔN TOÁN

**LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp HS củng cố và rèn luyện kĩ năng tính giá trị của biểu thức ở cả ba dạng.

- Vận dụng được kiến thức đã học, kĩ năng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** Bảng phụ, Phiếu học tập

**- Học sinh:** SGK, một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong biểu thức

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu:**  **1. Khởi động:**  - Giáo viên tổ chức chơi trò chơi “Hái hoa dân chủ”   - Luật chơi: Hs chọn bông hoa ( mỗi bông hoa là một câu hỏi về quy tắc tính giá trị biểu thức). Bạn nào trả lời được thì bạn đó sẽ được thưởng bông hoa vừa hái.  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. | - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |
| **\* Giới thiệu bài** |  |
| **C. Hoạt động Luyện tập, thực hành:**  **Bài 4:**  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu gì?  - HS làm vở  - Yêu cầu 1 HS làm bảng lớp.  - Y/C hs đánh giá nhận xét.  - Giáo viên đưa ra đáp án đúng.  Bài 5:a) -Y/c hs đọc đề bài.( *TL nhóm đôi* )  - Y/c hs làm bài. Đại diện nhóm nêu miệng đáp án.  - *Dựa vào đâu để em tìm ra đáp án đúng?*  b)  - Y/c học sinh đọc đề bài.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Y/c hs trình bày bài làm vào vở?1 hs làm bảng phụ.  - Y/c hs đưa ra nhận xét  - GV chốt kiến thức: Tính giá trị biểu thức vào giải toán có lời văn. | - Học sinh làm bài trên bảng lớp.  - HS lắng nghe sửa bài nếu chưa đúng.  - a) Phép tính: 15+ 5=20  - Ô tô đi từ nhà tới bãi biển dùng hết 20l xăng.  b) Phép tính: 40-20=20  - Nếu đi theo lộ trình trên thì khi về đến quê trong bình xăng của ô tô còn lại 20l xăng.  -Đ/a: A  +Vận dụng quy tắc để tính giá trị của từng biểu thức trong các phương án trả lời.  +Chọn biểu thức biểu diễn đúng phép tính giải của bài toán.  Bài giải  Số dây sữa có được là:  800 : 4 = 200 ( cây )  Số thùng sữa có được là:  200 : 5= 40 ( thùng )  Đáp số: 40 thùng sữa |
| **D. Hoạt động Vận dụng:**  **Trò chơi: Lựa chọn**  - GV tổ chức như sau.  +Luật chơi: Ai chọn đáp án của bạn An giơ thẻ Đỏ.  + Ai chọn đáp án của bạn An giơ thẻ Xanh.  + Ai chọn đáp án của bạn An giơ thẻ Vàng.  Bạn nào đúng sẽ được tặng một tràng pháo tay.  Bạn nào thua sẽ nhảy lò cò một vòng quanh lớp.  - GV nhận xét  Y/c hs nhắc lại cách tính giá trị biểu thức. | - HS tham gia chơi |
| **\* Củng cố- Dặn dò:**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - GV đánh giá tiết học, tuyên dương những bạn học tốt thường xuyên phát biểu ý kiến, động viên, khích lệ những học sinh có sự tiến bộ.  - Chuẩn bị bài: Mi-li-lít ( t1) | - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**MÔN TOÁN**

**MI – LI – LÍT( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết được mi-li-lít là đơn vị đo dung tích; đọc; viết tên và kí hiệu của nó.

- Biết 1l= 1000ml

- Vận dụng giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** SGK, cốc có chia vạch mi li lít

**- Học sinh:** Một số tình huống đơn giản dẫn tới sử dụng đơn vị mi li lít

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu:**  **1. Khởi động:**  - Giáo viên Y/c Hs thực hiện 2 biểu thức sau vào bảng con.  21 x 3 : 9 72 : ( 2 x 4 )  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. | - Hs làm bài  - HS lắng nghe |
| **\* Giới thiệu bài mới**  - Gv Y/c học sinh nêu các đơn vị đo dung tích đã được học?  GV nhận xét, chốt câu trả lời đúng.  Giới thiệu bài. | * Đơn vị đo dung tích đã học: “l” |
| **B.Hoạt động Hình thành kiến thức**  - Y/c học sinh quan sát tranh và trả lời câu hỏi?  - Người mẹ bảo con điều gì?  - Cốc của chúng ta được chia bao nhiêu vạch?  - Si rô chạm tới vạch nào của cốc?  - Vậy mi-li-lít ở đây là ntn?  - GVc: Mi – li-lít là đơn vị đo dung tích. Mi-li-lit  được viết tắt ml.  -Y/c Quan sát tranh tiếp theo.  - Cốc 1. Có dung tích là bao nhiêu?  - GVC: Mi-li-lít là đơn vị đo dung tích nhỏ hơn l.  - Giáo viên yêu câu quan sát hình ảnh tiếp theo.đồng thời cho hs thực hành trên mẫu thật  - Bình nước thứ 2: có dung tích là 1l  - Bình nước thứ 3: có dung tích là 1000ml  - Y/c hs lên thực hành đổ bình nước 1l sang bình bình 1000ml? và đổ bình 1000ml sang bình 1l?  - Y/c hs đưa ra nhận xét.  - Gv đánh giá, nhận xét  - Gvc:Mối quan hệ 1l=1000ml  1000ml=1l | -Hs: Con uống 5ml bổ phế trị ho nhé!  -Hs: 10 vạch.  - Vạch số 5  - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe và trả lời.   * Hs: Cốc đầu chia 10 vạch và đựng 1ml * Bình thứ 2 chứa 1l nước. * Hs thực hành đưa ra nhận xét.   1l = 1000ml   * Hs thực hành đưa ra nhận xét.   1000ml = 1l |
| **C. Hoạt động Luyện tập, thực hành:**  **Bài 1:** Mỗi bình sau đang chứa bao nhiêu mi-li-lít nước?  -Y/c Hs quan sát tranh và trả lời?  - Bình A chứa bao nhiêu ml nước?  - Bình B chứa bao nhiêu ml nước?  - Bình C chứa bao nhiêu ml nước?  -Nhận xét, chốt đáp án đúng.  Gvc: ml là đơn vị đo dung tích | * Hs quan sát và trả lời: * Bình A chứa 400ml nước * Bình B chứa 150ml nước * Bình C chứa 1000ml nước |
| **D. Hoạt động Vận dụng:**  - Gv cho học sinh đọc các vật dụng học sinh đã chuẩn bị trước có chia vạch ml  **E. Củng cố- Dặn dò:**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - GV đánh giá tiết học, tuyên dương những bạn học tốt thường xuyên phát biểu ý kiến, động viên, khích lệ những học sinh có sự tiến bộ.  - Chuẩn bị bài: Mi – li – lít (Tiết 2) | * Hs sinh thức hiện.   - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**MÔN TOÁN**

**MI – LI – LÍT( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Học xong bài này, học sinh đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết được mi-li-lít là đơn vị đo dung tích; đọc; viết tên và kí hiệu của nó.

- Biết 1l= 1000ml

- Vận dụng giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

**2. Phát triển năng lực:**

**Năng lực chung: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL giải quyết vấn đề toán học; NL giao tiếp toán học.**

**Năng lực đặc thù: NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Giáo viên:** SGK, cốc có chia vạch mi li lít

**- Học sinh:** Một số tình huống đơn giản dẫn tới sử dụng đơn vị mi li lít

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu:**  **1. Khởi động:**  - Giáo viên Y/c Hs trả lời.  - ml là đơn vị đo dung tích lớn hơn hay nhỏ hơn đơn vị l?  - 1000ml = …l  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. | - Hs làm bài  - HS lắng nghe |
| **\* Giới thiệu bài mới** |  |
| **C. Hoạt động Luyện tập, thực hành:**  **Bài 2:a)** Y/c học sinh đọc đề bài?  -Y/c Hs quan sát tranh và trả lời?  -Nhận xét, chốt đáp án đúng.  Gvc: ml là đơn vị đo dung tích  **b)** Sắp xếp các số đo trên theo thứ tự từ bé đến lớn.  -Y/c học sinh đọc yêu cầu và nêu miệng kết quả.  **-** Gv nhận xét chốt đáp án đúng.  - GV chốt: Cách đọc số đo chất lỏng với các đơn vị đo ml. 1l=1000ml.  **Bài 3: a)** Y/c hs đọc đề bài.  - Y/c hs làm bài vào vở  - Gv đánh giá, nhận xét chốt đáp án đúng**.**  **-\***: Khi thực hiện tính có đơn vị đo dung tích chúng ta cần điền đầy đủ tên đơn vị.  b)- Y/c Hs đọc yêu cầu bài?  - Y/c hs Tính toán, chuyển đổi, so sánh để làm bài ra đáp án đúng nhất.  - Gv nhận xét, đánh giá chốt đáp án đúng.  - GVC: Cách thực hiện so sánh đơn vị đo dung tích.  Bài 4: - Y/C hs đọc yêu cầu bài?  -Đề bài yêu câu làm gì?  - Y/c học sinh lực chọn và giải thích vì sao chọn?  - Gv nhận xét, đánh giá chốt đáp án đúng. | * Hs quan sát và trả lời: * Bình A chứa 250ml nước * Bình B chứa 750ml nước * Bình C chứa 500ml nước * Bình D chứa 1l nước cam * Hs trả lời: Lon nước ngọt chứa 250ml nước, Bình C chứa 500ml nước, Bình B chứa 750ml nước, Bình nước hoa quả chứa 1l nước cam   -a)Hs làm bài.  Đ/a:   |  |  | | --- | --- | | 300ml + 400ml = 700ml  550ml - 200ml = 350ml | 7ml x 4 = 24ml  40ml : 8= 50ml |   Đ/a:   |  |  | | --- | --- | | 300ml + 700ml = 1l  600ml + 40ml < 1l | 1l = 200ml x 4  1l > 1000ml – 10ml |      * Hs đọc yêu cầu bài * Ước lượng rồi chọn số thích hợp với mỗi đồ vật sau:   Đ/a:   * Cái xô lau sàn có thể dựng được 10l nước. Vì xô lau sàn to nếu đựng 1ml thì quá ít ko sử dụng được. * Mỗi cái thìa nhỏ chứa được 5ml vì thìa không thể chứa nhiều hơn sẽ bị tràn nước ra ngoài |
| **D. Hoạt động Vận dụng:**  **-** Gv tổ chức trò chơi cho hs.  - Y/c học sinh kể tên các vật dụng dùng để đo chất lỏng có đơn vị là mi li lít.  - Hs được chia thành hai đội, đội nào kể được nhiều vật dụng hơn thì đội đó chiến thắng.  - Gv cho học sinh đọc các vật dụng học sinh đã chuẩn bị trước có chia vạch ml  **E. Củng cố- Dặn dò:**  - Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?  - GV đánh giá tiết học, tuyên dương những bạn học tốt thường xuyên phát biểu ý kiến, động viên, khích lệ những học sinh có sự tiến bộ.  - Chuẩn bị bài: Nhiệt độ | * Hs sinh thức hiện.   - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**